

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ, TRANG NGHIÊM,
THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH.**

Tập 3

Chủ giảng: Cô Lưu Tố Vân

Giảng ngày 13/3/2018

Chuyển ngữ: Ban biên dịch Hoa Tạng Huyền Môn

Chủ giảng chánh: Thích Thiện Trang

Chư vị đồng tu tôn kính: xin chào mọi người. A Di Đà Phật.

Hai buổi trước, là phần trước khi chính thức giảng, xem như là một phần mở đầu. Bây giờ phần mở đầu đã xong. Từ buổi này trở đi, chúng tôi sẽ chính thức giảng Kinh Vô Lượng Thọ.

Mời chư vị trước tiên xem: đề kinh

佛說大乘無量壽莊嚴清淨平等覺經 “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh”.

Đây là tên đầy đủ của Kinh Vô Lượng Thọ. Bình thường chúng ta đều đơn giản thành Kinh Vô Lượng Thọ.

Tiếp theo, tôi muốn đem đề kinh này, giải thích cho mọi người một chút. Đầu tiên chúng ta xem từ “Phật” trong “Phật thuyết”, chữ Phật này là

ý nghĩa gì? Ấn Độ gọi là “Phật Đà Da”. Phật là cách gọi tắt của Phật Đà. Phiên dịch thành tiếng Trung Quốc nghĩa là giác ngộ. Thế nào là giác ngộ? Người giác ngộ là người đối với chính mình và đối với hoàn cảnh sinh sống của chính mình: thật sự hiểu rõ. Người như vậy được xưng là Phật. Cho nên từ trong đây chúng ta có thể nhìn thấy được: Phật là từ người mà tu thành. Ngài không phải là thần, cũng không phải là tiên, ngài là người mà tu thành. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này.

Chữ Phật trong đề kinh, là chỉ cho ai thuyết pháp vậy? Vì có rất nhiều Phật, nên các đồng tu có thể hỏi: Phật ở đây là chỉ vị Phật nào? Vị Phật này chính là Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta.

Ở đây tôi xin bổ sung một ý nghĩa nữa. Kinh Vô Lượng Thọ, có một đặc điểm vô cùng đặc biệt, đó là bộ kinh này do: Thích Ca Mâu Ni Phật và A Di Đà Phật, hai vị Phật đồng tuyên thuyết. Việc này không xuất hiện ở trong những bộ Kinh khác. Cho nên ở đây tôi nói với mọi người: chữ Phật trong đề kinh, là đại biểu cho Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng đại biểu cho A Di Đà Phật.

Tiếp theo nói đến chữ “Đại Thừa”. Thế nào là Đại thừa? Hai từ này vốn là chỉ cho phương tiện giao thông lớn, có thể chuyên chở rất nhiều người từ nơi này sang nơi khác. Đây là phương tiện giao thông lớn. Chữ “Đại thừa” trong đề kinh biểu thị ý nghĩa gì? Biểu thị rằng giáo học của Phật, có thể giúp cho người chưa hiểu rõ trở nên hiểu rõ. Chính là khiến cho người chưa sáng tỏ trở thành người sáng tỏ. Từ đâu mà khởi tác dụng vậy? Là đức Phật thông qua sự dạy học mà đạt được mục tiêu này. Cho nên chữ Đại thừa ở

đây, có hai ý nghĩa. Một là vốn chỉ phương tiện giao thông lớn. Hai là tỉ dụ cho sự giáo học của Phật. Đây là ý nghĩa của Đại thừa.

Tiếp theo chúng ta xem từ: “Vô Lượng Thọ”. Thế nào là Vô Lượng Thọ? Vô Lượng Thọ chính là hết thảy các thứ vô lượng mà chân tâm bản tánh của chính mình vốn tự đầy đủ. Xin chú ý, trong câu nói này không có chữ “thọ”. Tôi xin nói lại lần nữa “Vô Lượng Thọ là hết thảy các thứ vô lượng mà chân tâm bản tánh của chính mình vốn tự đầy đủ”. Chữ “vô lượng” trong đây bao hàm những gì? Xin nêu lên vài ví dụ, cũng không phải là toàn bộ. Ví dụ như: trí huệ vô lượng, quang minh vô lượng, thọ mạng vô lượng, tướng hảo vô lượng, đức năng vô lượng, tài nghệ vô lượng v.v. v.v. Cho nên chúng ta nói từ: “vô lượng thọ” này, chỉ là dùng làm đại biểu mà thôi, không phải đơn thuần chỉ cho thọ mạng. Mà là đại biểu cho vô lượng của vô lượng.

Vừa rồi chưa nêu ra hết ví dụ đó nhé. Vô Lượng Thọ ở đây chỉ là đại biểu. Vì sao lại dùng Vô Lượng Thọ làm đại biểu vậy? Bởi vì trong tất cả các thứ vô lượng, thì vô lượng thọ là quan trọng nhất. Có phải như vậy không? Là tuổi thọ mà. Dùng một người để nói, nếu quý vị không có tuổi thọ rất dài, thì những thứ vô lượng khác, thí như: quang minh cũng tốt, tướng hảo cũng tốt, đức năng cũng tốt, với người chúng ta mà nói: quý vị có rất nhiều tài sản, chỉ cho tài phú vô lượng, nhưng quý vị không có thọ mạng, thì tất cả những vô lượng phía sau đều là số không, chẳng còn có gì nữa, tất cả những vô lượng đều không tồn tại. Bởi vì thọ mạng là quan trọng nhất, có thọ mạng rồi, thì mới có những thứ vô lượng khác. Cho nên đã chọn thọ mạng làm đại biểu ở đây.

Tiếp theo xin xem từ: “trang nghiêm”.

Trang nghiêm là nói điều gì? Là chỉ cho vẻ đẹp vô lượng của hoàn cảnh sinh sống. Đây là ý nghĩa thứ nhất. Ý nghĩa thứ hai: là vẻ đẹp vô lượng sẵn có của thân tướng, không hề có chút thiếu khuyết nên gọi là trang nghiêm.

Tiếp theo là thanh tịnh.

Thanh tịnh là chỉ cho điều gì? Xa lìa: tham sân si mạn nghi vân vân, những thứ ô nhiễm của tâm linh, thân tướng, cho đến hoàn cảnh. Quý vị trừ sạch những thứ ô nhiễm này rồi, thì tự nhiên quý vị sẽ thanh tịnh. Đây là biểu đạt ý nghĩa của từ thanh tịnh.

Tiếp theo xem “bình đẳng giác”.

Bình đẳng là không có sai biệt, không có tâm phân biệt. Giác là giác ngộ. Vậy thanh tịnh bình đẳng giác là gì? Là Phật dạy cho chúng ta ở trong đời sống hằng ngày, phải dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ, đối đãi với hết thầy người, tất cả sự, tất cả vật. Chính là câu mà lão Pháp sư thường nói là: “đối người, xử việc, tiếp vật”. Chúng ta đã biết rồi, bình thường khi chúng ta đối người, xử việc, tiếp vật, thì phải dùng 3 loại tâm này. Đó chính là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, và tâm giác ngộ.

Chữ sau cùng là “kinh”.

Thế nào gọi là Kinh? Kinh là chỉ cho đạo lý và phương pháp được nói, mà không bị bất kỳ sự hạn chế về mặt thời gian và không gian, vĩnh viễn là sách giáo khoa chính xác, như vậy mới xưng là kinh. Nói cách khác, kinh vĩnh viễn không thay đổi, lúc nào đều cũng là chân lý, nên mới gọi là kinh. Không phải tùy tiện viết một cuốn sách, rồi có thể gọi đó là kinh.

Trên đề kinh này, có thể nói như vậy: là Thích Ca Mâu Ni Phật vì tất cả chúng sanh mà nói trong pháp Đại thừa về: Phật Vô Lượng Thọ và hoàn cảnh sinh sống của Thế giới Cực Lạc, là vô lượng tuyệt đẹp, nói không cùng tận. Hơn nữa người dân ở nơi đó, mỗi người đều là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ. Là giác ngộ triệt để, hiểu rõ tường tận chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Cho nên bộ kinh này là bộ kinh như thế nào vậy? Dùng một câu nói tóm gọn lại, đây là một bộ chân kinh dạy cho chúng ta làm thế nào cầu sanh Tịnh Độ, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc làm Phật. Đây là câu khái quát của tôi về Kinh Vô Lượng Thọ.

Bộ Kinh này là do ai dịch? Do thầy Bồ-tát giới đệ tử Vận Thành Hạ Liên Cư hội tập các bản dịch. Lão Cư sĩ Hạ Liên Cư là vị Đại đức trong Phật môn mà mọi người chúng ta đều khá quen thuộc. Kinh Vô Lượng Thọ truyền đến Trung Hoa, trước sau có 12 lần phiên dịch, trong đó có 7 bản dịch đã bị thất truyền. Hiện nay chỉ còn lưu lại 5 bản dịch. Chính là 5 bản dịch, 5 bản dịch được lưu truyền cho đến ngày nay, 7 bản đã bị thất truyền. Đây là một việc vô cùng đáng tiếc.

Cư sĩ Vương Long Thư thời nhà Tống, và Cư sĩ Ngụy Nguyên thời nhà Thanh, đã từng đối chiếu 5 bản dịch này để làm hội tập, nhưng vì những bản hội tập này đều không phải là thiện bản, chính là chưa được tận thiện, nên nói như vậy: chưa được hoàn thiện, cho nên mới có bản hội tập của lão Cư sĩ Hạ Liên Cư sau này. Bản hội tập này có thể xứng đáng được xưng là bản hoàn thiện nhất. Chính là bản hội tập mà chúng ta hiện nay đang dùng và học tập.

Bản kinh này, là từ năm 1932 đến năm 1935, được vị đệ tử Phật từng thọ giới Bồ-tát, là lão Cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập. Ngài căn cứ vào năm nguyên bản dịch gốc còn lưu truyền mà hội tập nên. Hội tập xong vào năm 1935. Đến năm 1945 thì xuất bản lưu thông. Khoảng cách là 10 năm.

Bộ kinh này tổng cộng được chia thành 48 phẩm. Điều này chúng ta đọc Kinh Vô Lượng Thọ đều rất quen thuộc. Sau khi bộ kinh này được lưu thông, đã được lão Pháp sư Từ Châu giảng tại Tế Nam. Rất nhiều đồng tu đều biết: lão Pháp sư Từ Châu, là một vị Pháp sư nổi tiếng thời đó. Pháp sư Từ Châu đã từng giảng bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ này ở Tế Nam, đồng thời còn làm khoa phán cho bộ kinh này. Đây là vị thứ nhất. Vị thứ hai, là lão Cư sĩ Mai Quang Hy, cũng chính là cậu của lão Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Lão Cư sĩ Mai Quang Hy, đã từng giảng bộ Kinh Vô Lượng Thọ này tại đài truyền hình trung ương. Đây là vị thứ hai. Ngoài ra, còn có một số Đại đức khác, tuyên giảng bộ kinh này ở các nơi. Có thể nói rằng: chư vị Đại đức xuất gia và tại gia trong nhà Phật, đều khẳng định bản hội tập này của lão Cư sĩ Hạ Liên Cư, là phiên bản hoàn thiện nhất của Kinh Vô Lượng Thọ. Phần duyên khởi của việc hội tập Kinh Vô Lượng Thọ tôi xin giới thiệu một cách giản lược đến đây.

Tiếp theo chúng ta sẽ xem: kinh văn của Phẩm thứ nhất:

法會聖眾第一“Pháp hội Thánh chúng đệ nhất”.

Pháp hội, là chỉ cho pháp hội nào vậy? Đại hội mà Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp, được gọi là Pháp hội. chữ pháp hội ở đây, là chuyên chỉ cho pháp hội tuyên giảng Kinh Vô Lượng Thọ của Phật Thích

Ca Mâu Ni. Xem từ “Thánh chúng”. Trước tiên chữ “thánh” là đại biểu cho những ai? Chữ “thánh” này: là chỉ cho thánh chúng trong pháp hội, gồm có: Thanh-văn, La-hán, và Bồ-tát, những vị này được gọi là Thánh. Phía sau còn có từ “chúng”. Chữ “chúng” này chỉ cho đại chúng thông thường. Nhưng sau khi chúng ta đọc Kinh Vô Lượng Thọ thì phát hiện rằng: thánh, chúng tham gia pháp hội lần này, đều là những nhân vật số 1 thuộc hàng Đại Thánh, không phải là đại chúng thông thường. Điều này chúng ta có thể thể hội được từ trong toàn bộ kinh văn. Đây là giải thích cho từ Thánh và chúng.

Bây giờ chúng ta đang nói về kinh văn phẩm thứ nhất này là chủ yếu nói về điều gì vậy? Chủ yếu là nói: đại chúng nghe pháp hội này đều chẳng phải tầm thường, cũng là nói sự thù thắng của thánh chúng. Kinh văn phẩm này chủ yếu là nói về chủ đề này.

Tiếp theo chúng ta sẽ xem đến cụ thể kinh văn.

如是我聞。一時佛在王舍城耆闍崛山中。與大比丘眾萬二千人俱。一切大聖。神通已達。

“N hư thị ng ả văn, nhất thời Phật tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung, dĩ đại Tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu, nhất thiết đại Thánh, thần thông dĩ đạt” (Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ, Đức Phật ở núi Kỳ Xà Quật nơi thành Vương Xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một vạn hai ngàn vị, tất cả đều là bậc đại Thánh, đã đạt thần thông).

Chúng ta trước tiên xem: đoạn kinh văn này, đồng thời đối với những từ ngữ then chốt ở bên trong, sẽ giải thích một cách đơn giản.

Đầu tiên là hai từ “như thị” trong “như thị ngã văn”.

Hai chữ “như thị” này, là từ bắt đầu trong tất cả các kinh điển nhà Phật. Mọi người chúng ta đọc kinh đều biết rằng: mở đầu của tất cả các kinh đều là “như thị ngã văn”. Chữ “như” này là từ đại biểu cho chân tướng sự thật, chữ này đại biểu cho chân tướng sự thật, đó là chữ “như”. Còn chữ “thị” là gì? Dựa vào chân tướng mà nói, thì gọi là “thị”. “Như thị” là nói về chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Nói một cách đơn giản, nói ra chân tướng sự thật thì gọi là “như thị”.

Từ đây chúng ta cũng thấy được: tất cả kinh điển mà Phật thuyết, đều là nói về chân tướng của vũ trụ nhân sinh, chẳng phải giả. Phật vì chúng sanh mà nói ra tất cả vô lượng vô biên kinh luận, Pháp môn, chính là vì chúng sanh mà nói ra chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Vì sao vậy? Bởi vì chỉ có nói ra chân tướng, chúng sanh mới có thể giác ngộ, mới có thể khai ngộ, mới có thể lìa khổ được vui. Có phải như vậy không? Cho nên hai từ “như thị” này không chỉ đại biểu cho những điều mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thuyết trong 49 năm, trong hơn 300 hội, mà từ “như thị” còn đại biểu cho: những lời tuyên giảng của vô lượng vô biên chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới dành cho hết thảy chúng sanh, tất cả đều không ngoài hai từ “như thị” này.

Ý nghĩa là gì? Dùng lời đơn giản để giải thích, thì từ “như thị” này: chính là chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sinh mà Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng sanh mà giảng trong 49 năm, đồng thời còn là tất cả chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sinh mà vô lượng vô biên chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới tuyên giảng cho tất cả chúng sanh. Chính là hai chữ này

vậy. Quý vị thấy hai chữ này có quan trọng hay không? Chúng ta xem hai chữ này dường như rất đơn giản, nhưng nói lên ý nghĩa vô cùng sâu sắc.

Vậy với Tịnh Tông chúng ta mà nói, thì hai từ như thị này đại biểu nghĩa là gì? Theo Tịnh Tông mà nói, thì hai từ “như thị” này, chính là đại biểu cho Thế Giới Cực Lạc, cho A Di Đà Phật. Trong chốc lát đã trở nên rất sát với chủ đề của bộ kinh chúng ta này, có phải như vậy không?

Tiếp theo nói về hai từ “ngã văn”.

Chữ “ngã” trong “ngã văn”, là Tôn giả A Nan tự xưng. Cho nên chữ “văn” này, là chỉ cho ngài A Nan đích thân nghe Phật giảng bộ kinh này. Chữ “văn” này chính là đích thân nghe Phật thuyết. Bốn chữ “như thị ngã văn” thì trong mỗi một bộ kinh điển đều có. Tuy là đều có, nhưng ý nghĩa thì sâu cạn rộng hẹp không như nhau. Hàm nghĩa sâu rộng của hai chữ này, chúng ta không cách nào tưởng tượng được. Chẳng những phàm phu chúng ta không thể tưởng tượng được, mà cho dù tất cả chư Phật Như Lai trong tận hư không khắp pháp giới cũng không nói hết được. Khẳng định hai chữ này có hàm nghĩa sâu sắc như thế. Chẳng những chúng ta không thể nói ra, không thể tưởng tượng được, mà chư Phật Như Lai nói như thế nào cũng không cùng tận. Các vị thấy ý nghĩa của hai chữ này sâu xa đến mức nào.

Căn cứ vào lý luận trong Quán Kinh để giảng, Quán Kinh đối với hai chữ này thì nói như thế nào? Điều này mọi người đều rất quen thuộc. Chữ “như” có nghĩa là “tâm này là Phật”, chữ “thị” nghĩa là “tâm này làm Phật”. Tám chữ này, có lẽ rất nhiều đồng tu đều rất quen thuộc. “Tâm này là Phật,

tâm này làm Phật” chính là hai chữ “như thị”. “Như” là “tâm này là Phật”, “thị” là “tâm này làm Phật”.

Chúng ta đối với 8 chữ trong kinh Phật này, có thật sự hiểu rõ hàm nghĩa và ý nghĩa chân thực của nó hay không? Nếu như chúng ta chỉ nghe “tâm này là Phật”, thì có khả năng quý vị sẽ chết cứng ở câu đó. Quý vị chỉ biết tâm này là Phật, đó là cách học chết cứng, không phải sống động. Nếu như quý vị cho là như vậy, thì đã chết vào câu văn rồi. Cụ thể là chết cứng ở chữ nào vậy? Chết ở chữ “tâm”, tâm này là Phật, đây không có chữ tâm nhé, mà quý vị chết cứng ở chữ “tâm” này. Giải thích thế nào đây? Chính là nói: Chư vị đã hiểu sai ý nghĩa của câu nói này rồi.

Mọi người hãy nghĩ xem: “tâm này là Phật”, chúng ta hãy suy ra tiếp, vậy tôi nói tâm này là Bồ-tát, đúng hay không? Tôi nói tâm này là Thanh Văn, được hay không? Tâm này là Duyên-giác, là La-hán, được hay không? Cho nên nếu chư vị chỉ đơn thuần lý giải rằng tâm này là Phật, ngoài nghĩa này ra, những ý nghĩa khác đều không đúng. Vậy thì sai rồi, đó là chết cứng trong câu văn. Đã là “tâm này là Phật”, thì chúng ta nghĩ xem chính là một câu nói: “tất cả pháp đều là tâm tướng sanh”. Chính là câu nói này. Mặc dù chúng ta biết rằng “tất cả pháp đều là tâm tướng sanh”, vậy quý vị nghĩ xem: tận hư không khắp pháp giới, có pháp nào mà không phải là do tâm tướng sanh? Cho nên tâm này là Phật, tâm này là Duyên-giác, là La-hán, tâm này là vi trần, tiếp tục nói: không có gì mà chẳng phải vậy. Tôi nói như vậy, mọi người có phải là rất dễ hiểu phải không?

Thí như như, tôi xin nêu ra một ví dụ. Đây là Phật giảng ở trong kinh Pháp Hoa, mọi người nghe sẽ cảm thấy hơi lạ. Trong Kinh Pháp Hoa nói

thể nào vậy? Nói rằng: “Tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, làm như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, từ đầu đến cuối rốt ráo như vậy”, vân vân. Những điều này biểu đạt ý nghĩa gì? Nói không một pháp nào chẳng phải là “như thị”. Đó chính là nói: vạn pháp đều là “như thị”.

Tiếp theo tôi xin nêu ví dụ như thế này. Ví dụ như: dùng vàng đúc thành một tượng Phật, chúng ta nhìn thấy thì sanh tâm hoan hỷ, chắc chắn sẽ thành tâm lễ bái, có đúng không? Bởi vì là tượng Phật mà, đó là Phật. Chúng ta đổi lại, cũng dùng khối vàng đó, đúc thành tượng của một ác quỷ mặt xanh nanh vàng. Vậy chư vị thấy bức tượng Phật lúc nãy rất thanh tịnh, nên chúng ta lễ bái. Bây giờ đúc thành tượng của ác quỷ mặt mũi hung dữ, chư vị nói ác quỷ đó có thanh tịnh hay không? Thanh tịnh như thường. Tôi nói như vậy, có lẽ một số đồng tu không hiểu được, ác quỷ đó thì làm sao thanh tịnh được chứ? Là như vậy đó. Vì sao thế? Giống như lão Pháp sư đã nhiều lần nói: “thầy đều là vàng cả”. Dùng vàng đúc tạo tượng Phật, bản tánh của tượng phải chẳng vẫn là vàng? Đúc thành tượng ác quỷ, thì tượng đó vẫn là vàng. Vàng vẫn là chân như bản tánh của tượng đó mà, chẳng qua tướng không giống nhau mà thôi.

Nếu như nói Phật thanh tịnh, thì tôi nói ác quỷ cũng thanh tịnh. Quý vị không hiểu, quý vị hỏi vì sao, vì sao ác quỷ cũng là thanh tịnh chứ. Tôi có thể giải thích cho chư vị như thế này. Không phải ác quỷ không thanh tịnh, mà là thứ gì không thanh tịnh? Là tâm của chúng ta không thanh tịnh. Tâm của quý vị nhìn tượng Phật, thì quý vị hoan hỷ, tâm của quý vị nhìn ác quỷ, thì không hoan hỷ, tức quý vị sanh phiền não, là tâm của quý vị không

thanh tịnh rồi, chẳng phải ác quỷ đó không thanh tịnh đâu. Tôi nói như vậy, mọi người nghe có hiểu không?

Điều này liên quan đến phần trước chúng ta đã nói, “hết thảy pháp đều là do tâm tưởng sanh”. Nếu như tâm của quý vị là vàng, thì sẽ không như vậy, nếu tâm của quý vị là vàng, thì Phật cũng là vàng, ác quỷ cũng là vàng, vậy thì đúng rồi. Vậy thì không một pháp nào không thanh tịnh, chẳng có pháp nào là không bình đẳng. Hiện nay tâm của chúng ta đối với Phật và ác quỷ, phải chăng là không bình đẳng? Một là không thanh tịnh, hai là không bình đẳng. Vì sao như vậy? Bởi quý vị nhìn đây là Phật, quý vị nhìn kia là ác quỷ, nhưng tôi như vậy, quý vị nghĩ xem: bản tánh của hai tượng đều là như nhau, đều là vàng cả, chính là lão Pháp sư đã nói: “Hết thảy đều là vàng”. Cùng là một chất liệu, nhưng chế tạo ra hình dạng khác nhau mà thôi. Điều này đại biểu cho pháp pháp đều bình đẳng, pháp pháp đều thanh tịnh. Đối với chúng ta mà nói, đoạn này khá là xa lạ, nhưng không quá khó hiểu.

Ở trong đây lão Pháp sư nói với chúng ta, ngài nói “tâm này là Phật, tâm này làm Phật”. Hai câu này, đã đem nguyên lý nguyên tắc của Phật pháp, nói đến tận cùng, cũng có thể nói là nói rất thấu triệt. Dù dùng cách nói nào để nói, cũng không hơn được hai câu này. Tất cả pháp mà Phật nói, chính là chân tướng sự thật này. Hai chữ “như thị” này bao quát toàn bộ Phật pháp. Đây chính là câu tổng kết sau cùng: Hai từ “như thị” bao quát toàn bộ Phật Pháp. Đó là nói về “như thị”.

Tiếp theo nói từ “ngã văn”.

Trong bộ kinh này, từ “ngã văn” là chỉ cho Kinh Vô Lượng Thọ, được Tôn giả A Nan đích thân nghe Phật giảng. Năm xưa Phật giảng kinh thuyết pháp, không lưu lại cho hậu thế một trước tác nào cả. Vậy Kinh điển này từ đâu mà có? Nguồn gốc của Kinh điển, là sau khi Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ, chúng đệ tử kết tập mà thành. Kinh điển được kết tập là do chúng đệ tử Phật làm công tác này. Quá trình kết tập vô cùng nghiêm túc cẩn thận, là đem tất cả những kinh điển mà năm xưa Phật Thích Ca Mâu Ni đã thuyết để giảng lại lần nữa. Bởi vì đức Phật không để lại văn tự nào, là do tập thể đệ tử sau này kết tập mà nên.

Bởi vì sức ghi nhớ của Tôn giả A Nan vô cùng tốt. Sau khi ngài nghe qua một lần, thì vĩnh viễn không bao giờ quên. Quả thật là có khả năng như thế. Chúng ta là nghe rồi, thì khả năng tai này lọt sang tai kia. Tất cả kinh điển mà đức Phật đã thuyết trong 49 năm, ngài A Nan đều đích thân nghe được. Sau khi nghe rồi, ngài “ức tri” không quên. Chữ “ức” trong từ “ký ức”, chữ “tri” trong từ “tri tụng”, ức tri không quên. Do đó chư đồng học đã đề cử Tôn giả A Nan, để giảng lại kinh điển mà Phật Thích Ca Mâu Ni đã thuyết trong 49 năm.

Có bao nhiêu người đồng học đã tham gia kết tập lần đó vậy? Tổng cộng có 500 người. Năm trăm vị này đều chẳng phải là người thông thường, đều là những bậc chứng quả A-la-hán trở lên. Thấp nhất là chứng được quả A-la-hán. Cho nên, 500 vị đồng học tham gia kết tập lần đó, Tôn giả A Nan ở trên đài tuyên giảng, cũng chính là giảng lại. Nếu như có một trong năm trăm vị đó: nêu ra ý kiến bất đồng, cảm thấy câu nói này của ngài A Nan, hình như tôi chưa từng nghe qua, hình như không phải là do Phật nói. Chỉ

cần một người không đồng ý, thì câu nói này phải bị cắt bỏ, không được lưu truyền cho đời sau. Cho nên từ trong đây chúng ta có thể thấy được: việc kết tập kinh điển và kinh giáo của Phật, quả thật hết sức nghiêm túc cẩn thận. Điều là “như ngữ, thật ngữ”. Từ chỗ này chúng ta có thể thấy được.

Quý vị nghĩ xem, ngày nay chúng ta làm sự việc gì, phải chăng là theo nguyên tắc: “thiểu số phục tùng đa số”. Nếu đại đa số đồng ý là có thể thông qua, 2 phần 3 số người đồng ý là có thể thông qua. Có phải như thế không? Việc kết tập kinh điển của Phật năm xưa, không phải là nguyên tắc như thế. Dùng cách nói hiện nay của chúng ta là “nhất phiếu phủ quyết”. Chỉ cần một người nói rằng: “đường như tôi chưa nghe Phật nói như vậy”, thì câu đó sẽ bị cắt bỏ. Bắt buộc phải 500 người ấy nghe xong, tất cả đều gật đầu, đều thừa nhận câu nói này: đích thật là do Phật nói, thì mới có hiệu lực, mới được lưu truyền cho đời sau. Sự việc là như vậy. Kinh Phật đã được kết tập như thế.

Kinh Vô Lượng Thọ mà ngày nay chúng ta đã đọc, chính là do Tôn giả A Nan đã giảng lại. Kinh Vô Lượng Thọ là do Tôn giả A Nan trùng tuyên. Sáng nay tôi đã nói: lần này tôi giảng Kinh Vô Lượng Thọ, cũng là dùng hình thức giảng lại. Kiểu giảng lại này, mọi người có thể thấy được, là bắt đầu từ khi nào vậy? Bắt đầu từ thời ngài A Nan. Cũng có thể nói rằng ngài A Nan là người đã phục giảng lại đầu tiên, đời đời tương truyền đến ngày nay.

Học trò giảng lại lời giảng thuật của thầy, đây cũng là một sự luyện tập. Việc luyện tập này, lão Pháp sư nói rằng có rất nhiều lợi ích. Vì học sinh phải giảng lại, nên họ phải chuyên tâm lắng nghe bài giảng của thầy.

Mọi người nghe lão Pháp sư giảng kinh thường nói: khi xưa các ngài nghe thầy Lý Bình Nam giảng kinh, mỗi lần đều có hai học trò, chịu phụ trách ngày hôm sau giảng lại. Hai vị đồng học phụ trách việc phục giảng đó, đều lắng nghe hết sức nghiêm túc. Vì sao vậy? Họ không dám lơ là. Một khi lơ là thầy giảng điều gì nghe không rõ, nghe không hiểu, ngày hôm sau không giảng lại được. Còn những đồng học không phải phục giảng thì có thể là hơi lơ là một chút. Lão Pháp sư nói: khi đó thầy Lý Bình Nam giảng cho mọi người, đồng học ngày hôm sau phục giảng, họ nghe thầy giảng kinh, có thể nghe được đến 7-8 phần, tối thiểu nhất cũng được khoảng 5-6 phần. Bởi vì họ có nhiệm vụ, ngày hôm sau phải giảng lại. Còn những đồng học không phải phục giảng ngày hôm sau, thì chỉ nghe được 1-2 phần. Bởi vì sao? Họ không có áp lực. Ngày hôm sau tôi không phải giảng lại, tôi nghe người khác giảng là được rồi. Cho nên việc nghe giảng nghiêm túc hay không chuyên chú, có sự khác biệt rất xa. Thực sự là như vậy. Cho nên vì sao chúng ta học Phật, mà có người tiến bộ nhanh, có người tiến bộ chậm, là do hai chữ nghiêm túc này, có hạ thủ đủ công phu hay không.

Lão pháp sư nói với chúng ta: việc giảng lại có lợi ích gì? Lão pháp sư nói với chúng ta như vậy: lợi ích việc giảng lại, là tương ứng với tam học và tam huệ. Mọi người đều biết, tam học là gì? Là Giới Định Huệ. Tam huệ là gì? Là chỉ văn huệ, tư huệ, tu huệ. Đó gọi là tam huệ. Việc giảng lại những lời thầy đã dạy, là một lần quý vị hoàn thành Tam học Tam huệ. Cho nên lợi ích việc này rất là thù thắng. Lão pháp sư nói với chúng ta: người căn tánh nhanh nhạy một chút, khi họ nghe, thì họ liền giác ngộ, họ liền hiểu rõ lý, họ không còn mê nữa, họ có thể sửa đổi những sai lầm của mình.

Lão Pháp sư từng nêu ra một ví dụ cho chúng ta, nói về phu nhân Vi Đề Hi. Phu nhân Vi Đề Hi năm xưa tại hoàng cung nghe Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Kinh vừa giảng xong thì phu nhân Vi Đề Hi cũng khai ngộ, đã chứng quả, bà đã chứng điều gì? Chứng được vô-sanh pháp-nhãn. Có thể nói phu nhân Vi Đề Hi đã thành tựu Tam huệ. Tam huệ nào vậy? Vừa rồi tôi đã nói, thứ nhất là văn huệ. Văn huệ là gì? Bà nghe Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, đó chính là văn huệ. Còn tư huệ? Bà vừa nghe thì hiểu rõ, đó chính là tư huệ. Sau cùng là tu huệ, bộ kinh giảng xong, bà liền chứng quả. Cho nên bà vốn là tam huệ: văn, tư, tu. Một lần là thành công. Chư vị thấy đây chẳng phải là rất thù thắng đó sao. Cho nên lão Pháp sư nói với chúng ta: việc giảng lại này, là một phương pháp và hình thức rất tốt, bởi vì đủ có thể giúp một lần hoàn thành Tam học và Tam huệ.

Từ lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni đến nay, Tổ sư Đại đức nhiều đời đều xuất thân từ việc giảng lại. Điều này có lẽ đồng tu chúng ta không biết. Chính là tất cả Tổ sư Đại đức, không có vị nào là không xuất thân từ việc giảng lại. Người giảng lại đầu tiên, vừa rồi tôi đã nói chính là Tôn giả A Nan. Tôn giả A Nan đã dùng phương pháp này để luyện tập. Sau đó, phương thức phục giảng này, từ xưa được truyền mãi cho đến ngày nay.

Lần này khi tôi chuẩn bị giảng Kinh Vô Lượng Thọ, tôi đã nghĩ mình sẽ dùng phương pháp nào để giảng đây? Sau cùng, tự tôi trước tiên chọn ra cách thức giảng lại. Sau đó tôi đã báo cáo với sư phụ, tôi đã hỏi sư phụ rằng: “Con lựa chọn hình thức giảng lại có được hay không ạ?” Sư phụ nói “tốt,

được”. Cho nên tôi đã dùng hình thức giảng lại, để giảng bộ Kinh Vô Lượng Thọ này.

Tôi không có năng lực lớn như Tôn giả A Nan, tôi không có trí nhớ tốt như thế, vì tôi yếu nên phải chạy trước, tôi dùng công phu và phương pháp vụng về chậm chạp của mình, trong thời gian này, bởi vì chư vị đồng tu giúp tôi chăm sóc ông bạn già, nên tôi có được một chút thời gian. Tôi dùng khoảng thời gian dài đó, đem tất cả những bài giảng của lão Pháp sư, phần nào nên xem thì xem, phần nào nên nghe thì nghe, xem đi xem lại, nghe đi nghe lại. Mục đích là chọn dùng cho hình thức giảng lại này, tôi cố gắng hết sức đem những điều mà lão Pháp sư đã giảng, có thể giảng lại tương đối viên mãn. Đây là nguyện vọng của tôi, cũng là phương hướng nỗ lực của tôi. Đối với việc giảng lại, tôi xin chia sẻ với mọi người như thế.

Tiếp theo, chúng ta lại xem kinh văn, sau phần “như thị ngã văn”, là “nhất thời Phật tại Vương Xá thành”. mấy câu tiếp theo thì tôi chưa nói đến. Trước tiên chúng ta nói đến từ “nhất thời”.

Trong tất kinh Phật, hầu hết đều có từ “nhất thời” này. Đồng tu chúng ta có thể khi xem kinh Phật, thì nghĩ rằng từ “nhất thời” này là vào ngày nào, tháng nào, năm nào vậy? Là thời gian nào thế? Chắc chắn từ “nhất thời” này là biểu thị thời gian. Điều này không sai. Ở đây tôi xin nói với mọi người từ “nhất thời” này, là chỉ thời gian nào? Dùng một câu nói, chính là thời gian Đức Phật giảng bộ kinh này. “Nhất thời” trong bộ kinh chúng ta đây, chính là nói thời gian mà Phật giảng Kinh Vô Lượng Thọ.

Vậy rốt cuộc thời gian giảng bộ Kinh Vô Lượng Thọ này là khi nào? Đồng tu chúng ta dường như có tâm hiếu kỳ giống như tôi vậy, thích truy tìm ngọn nguồn. Có ba điều kiện. Do lần này tôi phải giảng lại, nên tôi đã nghiên cứu rất kỹ từ “nhất thời” này. Tôi trước tiên phải hiểu rõ, rồi mới có thể nói rõ ràng với quý đồng tu được. Lão pháp sư đặc biệt tán thành hai chữ “nhất thời” này. Lão Pháp sư nói rằng Phật dùng hai chữ “nhất thời” này thật là quá tuyệt diệu. Lão Pháp sư nói là quá tuyệt diệu. Tuyệt diệu ở chỗ nào? Ở ý nghĩa biểu đạt. Hai từ này, đã đem ý nghĩa biểu đạt rõ ràng thấu triệt.

Nhất thời là chỉ điều gì? Chính là thời điểm mà căn tánh cơ duyên của chúng sanh thành thực. Nói đơn giản, tôi có lúc nói được khá ngắn gọn, tôi nói “chúng sanh chín muồi”, chính là căn tánh của chúng sanh chín muồi rồi. Căn tánh chín muồi như thế nào? Căn duyên thành Phật chín muồi rồi, chính là “chúng sanh căn tánh chín muồi”. Đó là điều thứ nhất, căn duyên của chúng sanh đã thành thực.

Ý nghĩa thứ hai là gì? Chính là tín nguyện hạnh, ba tư lương của chúng sanh đã đồng thời đầy đủ. Ở đây chú ý chữ “đồng”, “đồng thời đầy đủ”, hai chữ “đồng thời” chính là tín-nguyện-hạnh: không thể thiếu một điều.

Ba điều, mà một điều cũng không thiếu, mới gọi là “đồng thời đầy đủ”. Chỉ có ở thời điểm ấy, thì Phật mới giảng Pháp môn này. Bởi vì Pháp môn này quá thù thắng, quá khó tin! Nếu như tín-nguyện-hạnh của chúng sanh không đầy đủ, hoặc là không hoàn toàn đầy đủ, thì Phật sẽ không giảng bộ kinh này. Bởi vì sao vậy? Bởi vì quý vị nói ra, thì chúng sanh không hiểu

được, họ không tiếp nhận, chẳng phải là quý vị uổng công nói hay sao. Cho nên, điều kiện này nhất định phải đầy đủ.

Với Pháp môn này, chúng sanh có thể tin sâu không nghi, thì quả thật không đơn giản. Cho nên Phật nói nếu như chúng sanh nghe rồi, họ sanh tâm hoan hỷ, một lòng cầu vãng sanh, thì đó là gì vậy? Là nguyện của họ đã thành tựu rồi. Nếu sau khi họ nghe được Pháp môn này, tin sâu chẳng nghi, thì tín của họ đã thành tựu. Sau khi tín của họ thành tựu, nguyện của họ thành tựu rồi, thì họ không hoài nghi nữa, mà áp dụng điều này vào trong cuộc sống, vậy thì hạnh của họ cũng thành tựu rồi. Vì vậy ba điều này thành tựu đồng thời đầy đủ rồi, thì Phật mới nói Pháp môn này. Nếu như khi chúng sanh chưa hoàn toàn đầy đủ ba điều này, thì Phật nói Pháp môn này là thừa. Bởi vì chúng sanh không tin tưởng, họ không tiếp nhận.

Lúc này vì sao đức Phật tuyên giảng Kinh Vô Lượng Thọ? Bởi vì Phật thấy được trong đại chúng, có một số người căn tánh đã thành thực, chính là chín muồi rồi, cơ duyên thành Phật đã chín muồi. Vì vậy nếu lúc này Phật không giảng bộ kinh này, không nói Pháp môn này, thì Phật có lỗi với chúng sanh. Bởi vì căn tánh chín muồi rồi, mà không có người nói pháp, thì họ không thành tựu. Có phải như vậy không? Cho nên chư vị đồng tu nghe đến đây thì hiểu rõ rồi, bộ kinh này không phải tùy tiện mà có thể nói ra được đâu.

Điều kiện thứ ba là gì? Chính là nói: chúng sanh cảm ứng đạo giao với chư Phật Bồ-tát. Nếu như lý giải không tốt, thì nói là thần thông, không phải. Lão Pháp sư đã nói với chúng ta như vậy: là lúc mà chúng sanh cảm ứng đạo giao với chư Phật Bồ-tát.

Vì vậy chúng ta khái quát phần trước, đoạn mà tôi đã giảng, chính là nói: rốt cuộc chữ “nhất thời” này, là biểu đạt ý nghĩa gì? Ba điều, khái quát là ba điều.

Thứ nhất là lúc căn tánh chúng sanh đã chín muồi. Là nhất thời.

Thứ hai, là lúc mà ba điều kiện tín nguyện hạnh đồng thời đầy đủ.

Thứ ba, là lúc chúng sanh cảm ứng đạo giao với chư Phật Bồ-tát.

Ba thời điểm này hợp lại làm một, chính là chữ “nhất thời” trong Kinh Phật đã nói. Sau này, chúng ta xem kinh Phật, sẽ không thắc mắc về chữ nhất thời rốt cuộc là ngày nào tháng nào năm nào nữa, kinh Phật đã giải thích như thế rồi. Đây là chữ nhất thời.

Tiếp theo chúng ta xem tiếp phần kinh văn, “Phật tại Vương Xá thành”. Đây là: **佛在王舍城耆闍崛山中。與大比丘眾萬二千人俱。一切大聖。神通已達。** “**Phật tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung, dũ đại Tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu. Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt**”(Đức Phật ở núi Kỳ Xà Quật nơi thành Vương Xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một vạn hai ngàn vị, đã đạt thần thông). Ở trong đây lại nêu ra: “Nhất thời, Phật tại Vương Xá thành trung”, từ “Phật” này, đương nhiên vẫn là chỉ cho Thích Ca Mâu Ni Phật, trong đây là chỉ cho Thích Ca Mâu Ni Phật.

Tiếp theo, lại nói cùng với chúng đại Tỳ-kheo. Chữ đại này nghĩa là gì? Chữ đại này là chỉ “sanh đại giải, phá đại ác, chứng đại quả”, vậy được gọi là “đại”.

Tiếp theo là “đại Tỳ-kheo”, đại Tỳ-kheo này là ý nghĩa gì? Trước tiên chúng ta nói về chữ “Tỳ-kheo”.

Hai từ “Tỳ-kheo” này là tiếng Phạn, dùng để xưng hô đối với đệ tử xuất gia nhà Phật, đều gọi là Tỳ-kheo. Điều này mọi người chúng ta khá là quen thuộc. Chữ Tỳ-kheo có 3 ý nghĩa. Có thể có đồng học vẫn chưa hiểu rõ, nên tôi xin nói về ba ý nghĩa này.

Ý nghĩa đầu tiên của chữ Tỳ-kheo là gì? Là khát sĩ, chữ “khát” nghĩa là xin ăn, khát thực. Chữ “sĩ” trong từ chiến sĩ, binh sĩ. Khát sĩ có nghĩa là gì? Chính là những người này: “khát thực nuôi thân, khát pháp nuôi tâm”. Họ xin hai điều này. Từ khát sĩ này không đồng nghĩa với từ “người ăn xin” mà chúng ta thường hiểu. Khát sĩ này là chỉ cho người khát thực có đạo đức, có học vấn. Khát sĩ rất đạo đức, có học vấn, đây là ý nghĩa thứ nhất.

Ý nghĩa thứ hai của từ “khát sĩ” là “phá ác”. Phá điều gì vậy? Phá tham sân si, chur ác phiền-não, đây là ý nghĩa thứ hai của từ Tỳ-kheo.

Ý nghĩa thứ ba có nghĩa là bố ma. Bố trong từ khủng bố, ma trong từ ma quỷ, bố ma. Vì sao vậy? Vì tâm kiêu mạn của ma rất nghiêm trọng, ma sợ nhất điều gì? Ma sợ nhất là người khác hơn mình. Khi Tỳ-kheo phát tâm tu đạo, một lòng mong cầu xuất ly tam giới, nên ma nhìn thấy trong lòng sanh sợ hãi, cho nên khát sĩ có khả năng làm ma khiếp sợ. Là như vậy.

Nói đến Tỳ-kheo, tôi nghĩ đến hai câu nói, đó là gì vậy? Chính là Tỳ-kheo cũng xưng là Khát sĩ. Sĩ là tầng lớp có địa vị cao nhất trong xã hội thời xưa. Xã hội thời xưa phân chia tầng lớp như thế nào? Chia làm 4 cấp bậc, người ta chia làm bốn tầng lớp, đó là: sĩ, nông, công, thương. Sĩ xếp ở vị trí

đầu tiên. Chúng ta nói theo hiện nay: Bạc sĩ này được gọi là phần tử trí thức. Đó là trong xã hội Trung Quốc thời xưa, phần tử trí thức có địa vị cao nhất, được người tôn trọng nhất, là như vậy. Cho nên, có thể nói rằng: xã hội thời xưa là xã hội của phần tử trí thức, người ta tôn trọng tri thức, tôn trọng đức hạnh. Khất sĩ với người ăn xin mà hiện nay chúng ta nói: là hoàn toàn khác nhau. Họ là Khất sĩ rất có tu hành, rất có đạo đức. Xã hội đối với họ vô cùng tôn kính.

Cho nên vào thời đó, đệ tử nhà Phật và những Khất sĩ, là nhận sự cúng dường của đại chúng. Việc cúng dường vào thời đó là tứ sự cúng dường. Mọi người đều quen thuộc tứ sự cúng dường này. Đó là: ẩm thực, y phục, ngọa cụ và y dược, tiếp nhận sự những sự cúng dường đó. So với sự cúng dường hiện nay của chúng ta, thì rất khác nhau. Vào thời đó, đệ tử nhà Phật giữa ngày ăn một bữa, nghĩa là mỗi ngày chỉ ăn một bữa cơm, đồng thời không ăn quá ngọ. Cho nên, bởi vì thời đó, chỉ ăn một bữa, nên mỗi ngày mọi người chỉ cúng dường cho các khất sĩ một bữa ăn là được rồi.

Mọi người có lẽ sẽ hỏi: một ngày ăn một bữa có được không? Bởi vì thời Phật còn tại thế so với thời đại ngày nay của chúng ta không như nhau. Người sống vào thời đại đó tương đối đơn thuần, dùng lời hiện nay chúng ta mà nói: thì người khá đơn thuần, tâm của họ thanh tịnh, họ ít có phiền não. Bên ngoài cũng không có nhiều thứ mê hoặc, cho nên họ ít tiêu hao năng lượng.

Tôi nhớ lão Pháp sư nói rất nhiều lần: năng lượng người chúng ta, 95% bị tiêu hao, là bởi vọng tưởng. Chỉ có 5% năng lượng, là tiêu hao vào những việc thông thường. Có phải như thế không? Các vị nghĩ xem: họ chỉ tiêu hao

5% năng lượng, so với sự tiêu hao của chúng ta ngày nay thật không cách gì so sánh được. Hiện nay chúng ta đừng nói là ngày ăn một bữa, ngày ăn 3 bữa vẫn còn đói, vẫn còn phải ăn một ít vào ban đêm, ăn vặt một số thứ nữa, hiện nay chúng ta chẳng phải rất thịnh hành việc này đó sao? Vào thời đó, bởi vì con người tiêu hao năng lượng ít, nên họ ngày ăn một bữa là hoàn toàn có thể được.

Nếu chúng ta hiện nay: mà ít vọng niệm, thì chúng ta có thể ăn ít. Tôi muốn nói: về sự thể hội của tôi, 5-6 năm về trước, tôi chuyển từ ăn ba bữa, sang ăn hai bữa. Tôi giảm đi bữa ăn tối. Vì sao bỏ đi bữa ăn tối? Không phải là tôi cố ý, nhất định phải ăn hai bữa, không phải vậy. Mà tôi cảm thấy tuổi tác cao rồi, thì khả năng tiêu hóa cũng suy giảm. Sau khi ăn nhiều thì cũng cảm thấy khó chịu, đặc biệt là buổi tối, bởi vì buổi tối tôi đi ngủ khá sớm, 8 giờ là tôi đã ngủ rồi. Cho nên nếu như ăn bữa tối, không lâu lại đi ngủ, thì khả năng tiêu hóa không tốt, cảm thấy bao tử không dễ chịu. Cho nên tôi đã bỏ ăn bữa tối, ông xã của tôi cũng như tôi, cũng ngày ăn hai bữa. Ăn vậy một thời gian, tôi thấy điều này rất tốt, rất thoải mái. Những cảm giác khó chịu không còn nữa.

Đại khái qua hơn một năm nữa, tôi đem hai bữa chuyển thành một bữa. Việc này cũng không phải là do tôi cố gắng muốn ăn một bữa, nhất định mỗi ngày ăn một bữa, vân vân, không có cách nghĩ như vậy. Mà tôi muốn thử xem. Tôi cảm thấy qua khoảng thời gian dài ngày ăn hai bữa rất tốt, vậy tôi thử ăn một bữa xem sao. Sau khi tôi chuyển sang ngày ăn một bữa, ông xã tôi không chuyển theo. Ông ấy vẫn là hai bữa. Tôi ngày ăn một bữa khoảng chừng 3-4 năm, nhưng không phải tôi là quá ngại không ăn. Tôi là

ngày nào khi nào có công phu, thì ngày đó sẽ ăn cơm. Chưa công phu, thì tôi không ăn cơm trước. Cho nên tôi bảo đảm được ngày ăn một bữa, nhưng không phải là quá ngộ không ăn. Ăn như vậy được 3 đến 4 năm, tôi cảm thấy rất tốt.

Đến lúc nào tôi không ăn một bữa nữa vậy? Đó là vào tháng 4 năm 2017, khi tôi đi Hồng Kông. Trước đó tôi bị bệnh. Sau khi đến Hồng Kông, thì bị sư phụ phát hiện, bị những đồng tu xung quanh phát hiện. Mọi người rất lo lắng, muốn giúp tôi điều dưỡng cơ thể. Sau đó cho tôi thêm một số thuốc đông y. Những thuốc đông y này, có một số uống trước bữa ăn, một số uống sau bữa ăn. Mọi người đều biết: đa số thuốc đông y có những yêu cầu như vậy, uống trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn. Không còn cách nào, tôi phải quay về ngày ăn ba bữa. Những mỗi bữa ăn tôi ăn rất ít, lượng cũng tương đương với ngày tôi ăn một bữa, cũng không có khác mấy. Nhưng tôi tuy ăn cả ba bữa, là vì đáp ứng yêu cầu uống thuốc.

Mãi cho đến sau khi tôi đến đạo tràng này, ngày 20 tháng 6 năm ngoái tôi đến đạo tràng này. Lúc đó vẫn là ngày ăn ba bữa. Vì tôi vẫn chưa uống hết thuốc đông y. Khi tôi uống thuốc không nhiều nữa, tôi bắt đầu xin phép, tôi muốn giảm xuống còn hai bữa. Kết quả các Cư sĩ hộ pháp ở đạo tràng kiên quyết không đồng ý, nói: cô phải giữ vững ba bữa, bởi vì cô vẫn chưa uống hết thuốc. Cho nên mãi cho đến cách đây một tháng, chưa đến hai tháng, tôi lại xin phép tiếp, tôi nói tôi nhất định xin phép giảm đi một bữa. Sau đó đã được đồng ý. Cho nên hiện nay tôi là ngày ăn hai bữa. Thông qua sự trải nghiệm và cảm nhận của chính mình, tôi cảm thấy ngày ăn một bữa

là có thể được. Nếu không thể ăn một ngày một bữa, thì ngày ăn hai bữa rất có khả năng làm được.

Ở đây tôi khuyên những người chư vị đồng tu lớn tuổi, tốt nhất là mỗi ngày ăn hai bữa. Buổi sáng ăn một bữa, buổi trưa ăn một bữa, buổi tối đừng ăn. Quý vị thử xem, nếu không được, thì cứ ăn ba bữa. Nếu quý vị cảm thấy rất tốt, thì tôi khuyên quý vị lớn tuổi ngày ăn 2 bữa là tốt nhất. Nếu quý vị có thể ăn một bữa, đó không phải là cưỡng ép, nhất định phải thuận theo tự nhiên.

Tiếp theo nói về từ: “Đại thánh”.

Trong đây không chỉ có một vị “đại thánh” nha. “Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt”. Từ đại thánh này, người như thế nào mới có thể được xưng là đại thánh? Đó là những người đã đoạn được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mới có thể được xưng là đại thánh.

Câu phía sau “thần thông dĩ đạt” vô cùng quan trọng. Vì sao lại vô cùng quan trọng? Mọi người hãy nghe tôi giải thích. Hai câu nói này là tán thán đại Bồ-tát. Phía trước Bồ-tát có chữ đại. Chính là “Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt”, hai câu này là tán thán đại Bồ-tát. Ý nghĩa là nói: đại chúng tham gia pháp hội lần đó, cùng với đệ tử của Phật, đều là đại Bồ-tát, đại thánh.

Phần trước câu tôi vừa nói đến còn một điểm, chưa nói đủ, ở đây xin nói rõ với mọi người, đó là tham dự pháp hội giảng Kinh Vô Lượng Thọ, những người tham gia pháp hội đó, không có ai là phàm phu tục tử cả. Dùng bạch thoại nói thì nói như thế nào? Toàn là đại Bồ-tát, toàn là đại thánh,

người thông thường thì không thể xưng hô như vậy được. Từ “tất cả” này, không nên quên, chính là tất cả người tham gia pháp hội này, trong kinh này, nói rõ với chúng ta bao nhiêu người? 12.000 người. Chính là 12.000 người tham gia pháp hội lần này, toàn bộ đều là đại Bồ-tát, đại thánh, không có phàm phu. Ý nghĩa là như thế. Cho nên hai câu nói này có quan trọng hay không?

Xem tiếp câu: “thần thông dĩ đạt”. Trọng điểm câu này ở đâu? Ở chữ “đạt”. Thế nào gọi là “đạt”? Đạt là thông đạt viên mãn, không có một chút chướng ngại, thì gọi là đạt. Ai có thể đạt? Chỉ có bậc đại thánh mới có thể đã đạt, người khác không đủ tư cách. Chư vị chưa đến đã đạt, thì sự viên mãn của quý vị còn có khiếm khuyết. Và lại những vị đại thánh này, đều đầy đủ sự thông đạt viên mãn, chẳng chút mảy may chướng ngại.

Từ việc tán thán này, chúng ta có thể thấy ra được điều gì? Có thể thấy được rằng: một Phật ra đời, ngàn Phật ủng hộ. Có thể nhìn ra được vấn đề này không? Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thế, sau đó giảng kinh thuyết pháp cho đại chúng, bao nhiêu người theo ủng hộ ngài? Ngài là một vị Phật xuất thế, còn những vị đến tham gia pháp hội này, có thể nói là ngàn Phật ủng hộ.

Điều này làm ra tấm gương cho người chúng ta hiện nay. Tấm gương gì vậy? Chư Phật Bồ-tát có sự đố kỵ hay không? Không có. Nếu có sự đố kỵ, thì Phật Thích Ca Mâu Ni làm sao thành Phật rồi? Vì sao chúng ta chưa thành Phật? Vì sao quý vị giảng kinh, còn chúng tôi không giảng kinh? Đây là cách làm của người chúng ta hiện nay. Còn Phật Bồ-tát thì không có đố kỵ, không có chướng ngại. Vị nào dẫn đầu đều như nhau, đều ủng hộ. Tuyệt

đổi bình đẳng, không có cao, không có thấp. Có phải như vậy không? Giống như diễn kịch vậy. Các vở kịch đều có vai chính, có vai phụ, phải vậy không? Vở kịch đó ai đóng vai chính vậy? Thích Ca Mâu Ni Phật là vai chính. Vậy ai là vai phụ? Đó chính là những vị đại Bồ-tát, Đại thánh tham gia pháp hội, tất cả đều là: diễn vai phụ với Phật Thích Ca Mâu Ni. Diễn vai gì vậy? Diễn vai học trò của Phật Thích Ca Mâu Ni, kỳ thật những vị tham gia pháp hội lần này, có vị là cổ Phật tái lai, có những vị đã thành Phật trước Phật Thích Ca Mâu Ni. Quý vị thấy những vị cổ Phật đến diễn vai học trò của Phật Thích Ca Mâu Ni, đến ủng hộ pháp hội này, phải chăng là tấm gương cho chúng ta học tập?

Nếu người chúng ta thời nay thì có thể nói: tư cách tuổi tôi lớn hơn bạn, sao tôi phải làm học trò của bạn? Phật và Bồ-tát, thật sự quý ngài chỉ có một mục đích duy nhất. Mục đích gì vậy? Độ chúng sanh. Đây chính là mục đích duy nhất của chư Phật Bồ-tát. Cho nên quý ngài không tranh giành với nhau, không so sánh cao thấp. Vì sao bạn thành Phật, còn tôi vì sao chưa thành Phật? Vì sao bạn thành Phật sớm, vì sao tôi thành Phật muộn? Phật Bồ-tát không làm những việc này.

Cho nên hiện nay tôi nhiều lần nói với mọi người: đệ tử nhà Phật chúng ta không làm những việc tranh đấu với nhau, không làm chuyện nhân ngã thị phi, nhất định phải hòa thuận. Quý vị hãy học thật tốt theo những vị cổ Phật. Một người thành tựu, thì mọi người đều tán thán, đều học tập. Quý vị thấy như vậy tốt biết bao, phải giúp đỡ, chứ đừng phá hoại. Cho nên cổ Phật đã làm ra tấm gương hết sức tốt đẹp cho chúng ta. Ai làm diễn viên chính

cũng được, ai làm diễn viên phụ cũng được, đều diễn tốt vai diễn của chính mình. Đây là chỗ mà chúng ta cần học tập.

Câu tiếp theo là: “nhất thời Phật tại Vương Xá thành Kỳ Xà Quạt sơn trung”.

Chúng ta tiếp nói đến: “Vương Xá thành” là ở nơi nào? “Kỳ Xà Quạt sơn trung”, núi Kỳ Xà Quạt là ngọn núi như thế nào? Hai câu này, chính là nói địa điểm của pháp hội Phật giảng pháp lần này. Phần trước có thời gian, sau có địa điểm. Phía sau còn nói cụ thể người của đại chúng tham gia pháp hội. Vừa rồi chỉ là nói đại khái.

Bởi vì thời gian hôm nay đã hết, nên phần tiếp theo về thành Vương Xá và núi Kỳ Xà Quạt, chúng tôi để lại vào buổi học sau, sẽ giảng tiếp cho mọi người. Cảm ơn mọi người! A Di Đà Phật.

Nguyện dĩ thử công đức

Trang nghiêm Phật Tịnh-độ

Thượng báo tứ trọng ân

Hạ tế tam đồ khổ

Nhược hữu kiến văn giả

Tức phát Bồ-đề tâm

Tận thử nhất báo thân

Đồng sanh Cực Lạc quốc.

Nam Mô A Mi Đà Phật